

# Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán Quý 2 năm 2024



# Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	3 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 24

# Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3500101523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 19 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư, M&A, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 21 Đường 63-TML, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Từ Như Quỳnh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên độc lập	
Ông Phan Văn Tường	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Nguyễn Quốc Phòng	Chủ tịch UBKT
Ông Từ Như Quỳnh	Thành viên UBKT

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Minh Khiêm	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thúy	Giám đốc tài chính

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Nguyễn Thị Minh Khiêm.

# Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn và việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Nguyễn Thị Minh Khiêm**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 25 tháng 07 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.215.634.268</b>	<b>5.444.870.046</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>69.187.368</b>	<b>6.157.087</b>
111	1. Tiền		69.187.368	6.157.087
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.121.146.901</b>	<b>5.427.212.960</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.459.051.724	3.515.051.724
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	909.353.467	909.353.467
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.061.302.129	2.272.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.153.504.709	4.192.872.897
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(5.462.065.128)	(5.462.065.128)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
141	1. Hàng tồn kho		-	-
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>25.299.999</b>	<b>11.499.999</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		25.299.999	11.499.999
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>971.427.386.750</b>	<b>971.486.027.000</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>175.920.750</b>	<b>234.561.000</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	Nguyên giá		192.654.545	192.654.545
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(192.654.545)	(192.654.545)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	175.920.750	234.561.000
228	Nguyên giá		1.074.026.303	1.074.026.303
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(898.105.553)	(839.465.303)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	1. Nguyên giá		-	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>971.251.466.000</b>	<b>971.251.466.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	487.955.991.000	487.955.991.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	483.295.475.000	483.295.475.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>977.643.021.018</b>	<b>976.930.897.046</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>29.053.555.663</b>	<b>28.867.549.436</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>29.053.555.663</b>	<b>28.867.549.436</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	704.731.600	763.062.904
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	889.509.503	558.954.690
314	4. Phải trả người lao động		-	150.800.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	21.893.518.931	21.809.582.013
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.175.770.380	2.677.282.380
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.390.025.249	2.907.867.449
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2023
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>948.589.465.355</b>	<b>948.063.347.610</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>948.589.465.355</b>	<b>948.063.347.610</b>
411	1. Vốn cổ phần		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	17.1	500.000.000.000	500.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	47.504.464.013	47.504.464.013
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	17.1	14.426.956.236	14.426.956.236
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17.1	452.055.479	452.055.479
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	386.205.989.627	385.679.871.882
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		385.679.871.882	384.692.774.574
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		526.117.745	987.097.308
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>977.643.021.018</b>	<b>976.930.897.046</b>

Trần Thị Thuý  
Người lập

Nguyễn Thị Thuý  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Khiêm  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2024



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		900.000.000	900.000.000	1.800.000.000	1.536.363.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	900.000.000	900.000.000	1.800.000.000	1.536.363.636
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	52.157.500	42.794.823	94.952.323	80.044.705
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		847.842.500	857.205.177	1.705.047.677	1.456.318.931
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	17.188.065	47.628.306	41.475.220	95.747.897
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	532.175.895	628.746.857	1.042.789.544	1.069.183.192
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		332.854.670	276.086.626	703.733.353	482.883.636
31	11. Thu nhập khác		-	251.246.791	-	251.246.791
32	12. Chi phí khác		-	108.296.395	468.937	108.296.395
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		-	142.950.396	(468.937)	142.950.396
50	14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		332.854.670	419.037.022	703.264.416	625.834.032
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	86.170.934	111.028.684	177.146.671	158.400.769
	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		246.683.736	308.008.338	526.117.745	467.433.263

Trần Thị Thuý  
Người lập

Nguyễn Thị Thuý  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Minh Khiêm  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>703.264.416</b>	<b>625.834.032</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	10,11	27.320.124	48.585.581
03	Các khoản dự phòng		-	-
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(41.475.220)	(95.747.897)
06	Chi phí lãi vay		-	-
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>689.109.320</b>	<b>578.671.716</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.873.311.686)	(519.091.158)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho			
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		26.701.757	(1.085.051.239)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.800.001)	(97.736.918)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(486.430.829)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.842.200)	(500.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.189.142.810)</b>	<b>(1.610.138.428)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.210.697.871	530.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.475.220	10.094.746
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.252.173.091</b>	<b>540.094.746</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		-	-
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		-	-
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>63.030.281</b>	<b>(1.070.043.682)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>6.157.087</b>	<b>1.234.367.293</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>69.187.368</b>	<b>164.323.611</b>

**Trần Thị Thuý**  
Người lập

**Nguyễn Thị Thuý**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Minh Khiêm**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3500101523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 10 năm 2005, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 19 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong kỳ hiện tại của Công ty là đầu tư, M&A, kinh doanh bất động sản và cho thuê mặt bằng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 08

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đề ngày 25 tháng 07 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 146/2004/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2004 về việc ban hành Kế toán Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Công ty không khấu trừ quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng lâu dài.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn.*



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.10 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với việc chuyển giao có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn

được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Tiền mặt	2.678.655	1.461.751
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.508.713	4.695.336
<b>Cộng</b>	<b>69.187.368</b>	<b>6.157.087</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>5.459.051.724</b>	<b>3.515.051.724</b>
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.081.051.724	1.081.051.724
Phải thu của khách hàng liên quan (Thuyết minh số 22)	4.378.000.000	2.434.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.459.051.724</b>	<b>3.515.051.724</b>
<b>Dự phòng phải thu khách hàng</b>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 9)	(822.621.724)	(822.621.724)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>4.636.430.000</b>	<b>2.692.430.000</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>909.353.467</b>	<b>909.353.467</b>
Trả trước cho các nhà cung cấp	909.353.467	909.353.467
<b>Cộng</b>	<b>909.353.467</b>	<b>909.353.467</b>
<b>Dự phòng trả trước cho người bán</b>		
Dự phòng trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 9)	(583.855.258)	(583.855.258)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>325.498.209</b>	<b>325.498.209</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Xem Thuyết minh số 22.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.153.504.709</b>	<b>4.192.872.897</b>
Phải thu bên liên quan	31.845.349	13.360.337
Phải thu khác	4.121.659.360	4.179.512.560
<b>Dự phòng phải thu khác</b>		
Dự phòng phải thu khác (Thuyết minh số 9)	(4.055.588.146)	(4.055.588.146)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>97.916.563</b>	<b>137.284.751</b>

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.462.065.128</b>	<b>5.462.065.128</b>
Dự phòng phải thu khách hàng	822.621.724	822.621.724
Dự phòng trả trước cho người bán	583.855.258	583.855.258
Dự phòng phải thu khác	4.055.588.146	4.055.588.146
<b>Cộng</b>	<b>5.462.065.128</b>	<b>5.462.065.128</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	192.654.545	192.654.545
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.654.545</b>	<b>192.654.545</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	173.389.088	173.389.088
Khấu hao trong kỳ	19.265.457	19.265.457
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.654.545</b>	<b>192.654.545</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	19.265.457	19.265.457
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	1.074.026.303	1.074.026.303
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>1.074.026.303</u>	<u>1.074.026.303</u>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	604.904.303	604.904.303
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	839.465.303	839.465.303
Khấu hao trong kỳ	58.640.250	58.640.250
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>898.105.553</u>	<u>898.105.553</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	<u>234.561.000</u>	<u>234.561.000</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>175.920.750</u>	<u>175.920.750</u>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	487.955.991.000	487.955.991.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	483.295.475.000	483.295.475.000
<b>Cộng</b>	<u>971.251.466.000</u>	<u>971.251.466.000</u>

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần ADEC	Kinh doanh Bất động sản	54.33	487.955.991.000	54.33	487.955.991.000
<b>Cộng</b>			<u>487.955.991.000</u>		<u>487.955.991.000</u>

**12.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	Dịch vụ cảng tổng hợp	40.25	483.295.475.000	40.25	483.295.475.000
<b>Cộng</b>			<u>483.295.475.000</u>		<u>483.295.475.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Các khoản phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>704.731.600</b>	<b>763.062.904</b>
Công ty TNHH Kim Khí Đông Phương	633.896.984	633.896.984
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	70.834.616	129.165.920
<b>Cộng</b>	<b>704.731.600</b>	<b>763.062.904</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	184.027.518	133.256.673	-	317.284.191
Thuế TNDN	355.614.281	177.146.671		532.760.952
Thuế TNCN	19.312.891	25.688.969	(5.537.500)	39.464.360
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>558.954.690</b>	<b>339.092.313</b>	<b>(8.537.500)</b>	<b>889.509.503</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.893.518.931</b>	<b>21.809.582.013</b>
Chi phí dự án	21.734.582.013	21.734.582.013
Các khoản chi phí khác	158.936.918	75.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.893.518.931</b>	<b>21.809.582.013</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.159.270.380</b>	<b>2.677.282.380</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.159.270.380	2.677.282.380
<b>Cộng</b>	<b>4.159.270.380</b>	<b>2.677.282.380</b>



**Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC**

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng	VND
Số dư đầu năm trước (01/01/2023)	500.000.000.000	47.504.464.013	14.426.956.236	452.055.479	384.692.774.574	947.076.250.302	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	987.097.308	987.097.308	
<b>Số dư cuối năm trước (31/12/2023)</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>47.504.464.013</b>	<b>14.426.956.236</b>	<b>452.055.479</b>	<b>385.679.871.882</b>	<b>948.063.347.610</b>	
Số dư đầu năm nay (01/01/2024)	500.000.000.000	47.504.464.013	14.426.956.236	452.055.479	385.679.871.882	948.063.347.610	
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	526.117.745	526.117.745	
<b>Số dư cuối kỳ này (30/06/2024)</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>47.504.464.013</b>	<b>14.426.956.236</b>	<b>452.055.479</b>	<b>386.205.989.627</b>	<b>948.589.465.355</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Ngày 01 tháng 01 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>

**17.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	900.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần với bên liên quan (xem thuyết minh số 22)	900.000.000	900.000.000

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Lãi tiền gửi	2.779	57.347
Lãi cho vay	17.185.286	47.570.959
<b>Cộng</b>	<b>17.188.065</b>	<b>47.628.306</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	52.157.500	42.794.823
<b>Cộng</b>	<b>52.157.500</b>	<b>42.794.823</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	374.119.000	374.139.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.660.062	24.292.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.823.670	204.806.922
Chi phí khác	19.573.163	25.507.276
<b>Cộng</b>	<b>532.175.895</b>	<b>628.746.857</b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Chi phí thuế TNDN	86.170.934	111.028.684
<b>Cộng</b>	<b>86.170.934</b>	<b>111.028.684</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>332.854.670</b>	<b>419.037.022</b>
Các khoản điều chỉnh theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty:		
- Chi phí không được trừ	98.000.000	136.106.395
Thu nhập chịu thuế	430.854.670	555.143.417
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>86.170.934</b>	<b>111.028.684</b>

### 21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Công ty Cổ phần Đóng tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn	900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Adec	Công ty con	Trả nợ vay	1.210.697.871	530.000.000
		Phải thu lãi vay	41.467.015	47.570.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024, các khoản phải thu, phải trả của các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2024
<b>Phải thu</b>				
<i>Công ty Cổ phần Đón tàu và Dịch vụ Cảng Mỹ Xuân</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ tư vấn</i>	2.800.000.000	2.434.000.000
<i>Công ty Cổ phần Adec</i>	<i>Công ty con</i>	<i>Phải thu cho vay</i>	1.061.302.129	2.272.000.000

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Quý 2 Năm 2024</i>	<i>Quý 2 năm 2023</i>
<b>Lương và Thù lao</b>	<b>264.912.500</b>	<b>183.776.469</b>
<b>Hội Đồng Quản Trị/Ủy Ban Kiểm Toán</b>	<b>89.000.000</b>	<b>84.000.000</b>
Từ Như Quỳnh	27.000.000	15.000.000
Nguyễn Quốc Phòng	27.000.000	-
Phan Văn Tường	15.000.000	-
Trần Tuấn Anh	10.000.000	
Nguyễn Thanh Huy	10.000.000	
Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	-	15.000.000
Phan Chiêu Anh	-	27.000.000
Nguyễn Thành Hưng	-	27.000.000
<b>Ban Tổng Giám Đốc</b>	<b>175.912.500</b>	<b>99.776.469</b>
Nguyễn Thị Minh Khiêm	121.912.500	99.776.469
Nguyễn Thị Thúy	54.000.000	54.000.000

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

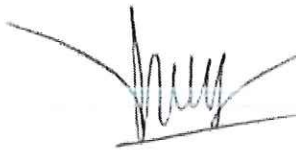
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**24. PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	246.683.736	308.008.338	(19,91)

Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2 năm 2024 giảm 19,91% so với Quý 2 năm 2023 do Quý 2/2023 có phát sinh khoản thu nhập khác.



**Trần Thị Thuý**  
Người lập



**Nguyễn Thị Thuý**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Minh Khiêm**  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2024